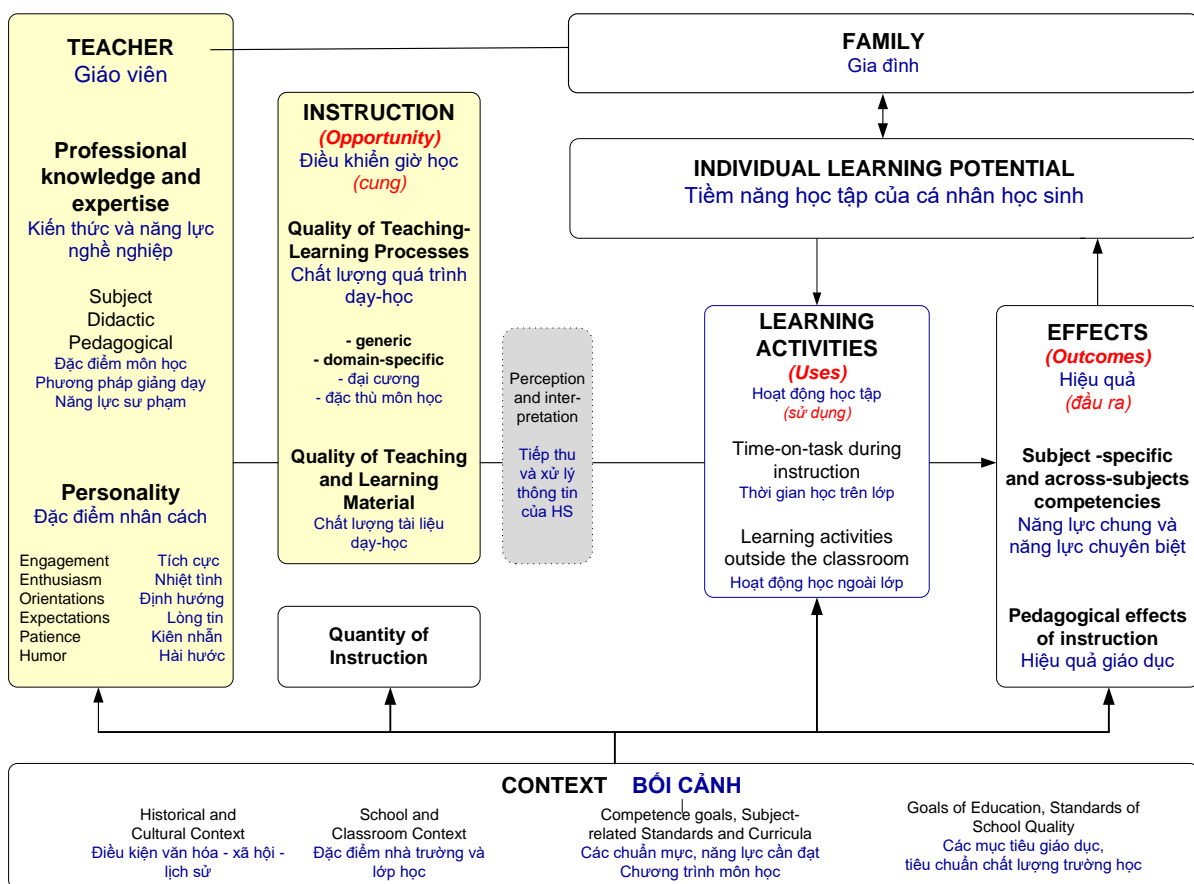


Vai trò của giáo viên và của hoạt động giảng dạy đối với kết quả học tập của học sinh

Andreas Helmke

Trong một thời gian dài trước đây, theo báo cáo của Coleman (1968) và nhiều ấn phẩm khác thì không có tác động khác biệt nào giữa nhà trường và giáo viên đến thành tích học tập của học sinh. Từ đó đến nay, trên cơ sở kết quả của các phương pháp phân tích tổng hợp (meta-analyses) nhiều nghiên cứu thực nghiệm chúng ta đã có được nhiều hiểu biết mới trong lĩnh vực này. Hai cuốn sách mang tính đột phá của Hattie "Visible Learning" (2009) và "Visible Learning for Teachers" (2012)", trong đó bao gồm hơn 900 phân tích tổng hợp (siêu phân tích) liên quan đến các yếu tố quyết định thành tích học tập của học sinh độ tuổi đến trường, cho thấy sự tác động khác biệt giữa giáo viên và hoạt động giảng dạy này (giải thích khoảng 30% phương sai toàn bộ thành tích học tập của học sinh). Thay cho việc đi ngay vào trình bày các chỉ số lựa chọn chi tiết về hiệu quả tác động của các yếu tố khác nhau (Hattie phân tích tác động của 138 biến vào thành tích học thuật), chúng tôi sẽ bắt đầu bản thuyết trình với một mô hình lý thuyết làm cơ sở cho việc hiểu các mối quan hệ phụ thuộc nhân quả giữa các yếu tố tác động đến thành tích học tập của học sinh (chuyển thể từ mô hình của Helmke, 2012, tr. 71):



Mô hình này sẽ giúp chúng ta hiểu tính phức hợp của các mối quan hệ nhân quả: tác động của nhà trường và của nhiều yếu tố khác trong mối quan hệ qua lại của chúng với nhau. Điều đó cũng có nghĩa là muốn làm tăng thành tích học tập của học sinh thì sẽ là không đủ nếu chỉ thay đổi một thành tố nào đó (ví dụ mục tiêu hay các chuẩn mực cần đạt) mà không tính đến sự tương tác phức hợp qua lại của nhiều yếu tố khác. Dựa trên mô hình này và trên các cơ sở dữ liệu thực nghiệm từ phân tích của Hattie, bản thuyết trình này sẽ đưa ra cái nhìn tổng quan về các đặc điểm quan trọng nhất của giảng dạy hiệu quả theo Hattie, trong đó điều đặc biệt quan trọng là giáo viên biết quan sát việc học của học sinh bằng con mắt của chính các em cũng như đảm bảo thường xuyên có được các thông tin phản hồi: không chỉ từ giáo viên đến học sinh, mà còn từ học sinh tới giáo viên. Ngoài ra, giảng dạy

hiệu quả còn đòi hỏi phải tạo ra được một bầu không khí học tập thân thiện và tôn trọng lẫn nhau, các nhiệm vụ và mục tiêu học tập phải thúc đẩy được sự cố gắng nỗ lực học tập, nội dung bài học phải được chuyển tải rõ ràng rành mạch và logic, đồng thời giờ học phải được điều khiển một cách tối ưu.

Các đặc điểm chất lượng chung của giờ học (trong bài này không đề cập đến những đặc điểm chuyên biệt của từng môn học) sẽ được trình bày chi tiết hơn với các minh họa - trong phạm vi có được - bằng các trích đoạn ngắn từ các băng hình trong đào tạo giáo viên và từ nhiều nguồn khác: cụ thể là các đặc điểm về quản lý điều hành lớp học, về học tập hợp tác (cooperative learning) và về phản hồi (feedback) trong dạy học. Phần này sẽ được bổ sung bằng kết quả đề tài nghiên cứu về việc giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam – nghiên cứu lặp lại (replication study) một phần dự án nghiên cứu lớn về năng lực ngôn ngữ của học sinh CHLB Đức (dự án “DESI”) - mà chúng tôi tiến hành một vài năm trước đây (Tuyết Helmke et al, 2008; Pham, in press).

Cuối cùng, mặc dù giá trị các phân tích tổng hợp trong công trình nghiên cứu của Hattie là bước đánh dấu lớn trong nghiên cứu về giảng dạy và học tập, song vẫn cần lưu ý một số hạn chế nhất định. Trước tiên, các tiêu chí trong các phân tích của ông là thành tích học thuật - tất nhiên cần chú ý là bên cạnh đó còn có những tiêu chí quan trọng khác, chẳng hạn như các năng lực giao tiếp xã hội, đạo đức, năng lực học tập và giao lưu văn hóa quốc tế. Thứ hai là, các dữ liệu trong phân tích của Hattie đều dựa trên các ấn phẩm bằng tiếng Anh. Điều đó đặt ra câu hỏi về ý nghĩa các đặc điểm của giờ học hiệu quả mà Hattie nêu ra đối với các nước châu Á có mối quan hệ với hệ tư tưởng Khổng tử trong tiến trình phát triển lịch sử như Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Coleman, J. (1968). The concept of equality of educational opportunity. *Harvard Educational Review*, 43, 129-137.
- Hattie, J. A. C. (2009). *Visible Learning. A synthesis of over 800 meta-analyses relating to achievement*. London: Routledge.
- Hattie, J. A. C. (2012). *Visible Learning for Teachers. Maximizing impact on Learning*. London: Routledge.
- Helmke, A. & Võ, T. (1999). Do Asian and Western students learn in a different way? An empirical study on motivation, study time, and learning strategies of German and Vietnamese university students. *Asia Pacific Journal of Education*, 19 (2), 30-44.
- Helmke, A., Schrader, F.-W., Võ, T. A. T., Lê, D. P. & Trần, T. B. T. (2003). Selbstkonzept und schulische Leistungen im Kulturvergleich: Ergebnisse der Grundschulstudie SCHOLASTIK in München und Hanoi. In W. Schneider & M. Knopf (Hrsg.), *Entwicklung, Lehren und Lernen: Zum Gedenken an Franz Emanuel Weinert* (S. 187-206). Göttingen: Hogrefe.
- Helmke, Tuyet, Helmke, A., Schrader, F.-W., Wagner, W., Nold, G. & Schröder, K. (2008). Die Videostudie des Englischunterrichts. In DESI-Konsortium (Hrsg.), *Unterricht und Kompetenzerwerb in Deutsch und Englisch. Ergebnisse der DESI-Studie* (S. 345-363). Weinheim: Beltz.
- Pham, H. G. (in press). *Personal and classroom-related determinants of student achievement in grade 9 English lessons in Vietnam: Results of a longitudinal study including video analysis*. Doctoral dissertation, University of Koblenz-Landau, Department of Psychology, Germany.